

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1556 /KCNC-KHTC

V/v đề xuất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách thành phố năm 2026.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2025

KHẨN

Kính gửi: Sở Tài chính.

Tiếp nhận Công văn số 7088/STC-HCSN ngày 24/9/2025 của Sở Tài chính về việc đề xuất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách thành phố năm 2026 (lần 2).

Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý) báo cáo như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước trong thời gian qua (giai đoạn 2023-2025), cụ thể:

Ban Quản lý là đơn vị quản lý hành chính, trong đó:

- Văn phòng Ban Quản lý là đơn vị quản lý hành chính nhà nước, thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, do Nhà nước đảm bảo 100% kinh phí chi thường xuyên. Hàng năm, Văn phòng Ban Quản lý xây dựng dự toán trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) Thành phố ban hành.

- Ban Quản lý Các dự án Đầu tư – Xây dựng Khu Công nghệ cao là đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2) theo Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố.

- 04 đơn vị SNCL thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) gồm: Trung tâm Nghiên cứu triển khai, Trung tâm Công nghệ sinh học Thành phố, Vườn ươm Doanh nghiệp Công nghệ cao, Trung tâm Đào tạo. Hàng năm, các đơn vị này xây dựng dự toán với kinh phí chi thường xuyên được xác định theo quyết định giao tự chủ của đơn vị.

(Chi tiết theo Biểu số 01 đính kèm).

2. Sự cần thiết xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026.

Việc xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 là thật sự cần thiết, làm cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2026.

3. Đánh giá tác động của nội dung đề xuất đến các đối tượng có liên quan khi Nghị quyết được thông qua.

Việc ghi nhận các nội dung đề xuất của các đơn vị trên địa bàn Thành phố sau khi sắp xếp đơn vị hành chính nhằm bổ sung, quy định rõ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí chi thường xuyên thống nhất, đảm bảo quyền lợi và các chế độ liên quan của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn Thành phố.

4. Cung cấp số liệu theo biểu chi tiết đính kèm: Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 04, Biểu số 06, Biểu số 11, Biểu số 13. / *tho*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng ban (để báo cáo);
- PTB. Lê Quốc Cường (để biết);
- Lưu: VT, P.KH-TC.Tr5. *a.*

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Nghĩa Hiệp



Biểu số 01

CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2023		Năm 2024		Dự toán năm 2025	Năm 2026 (theo phương án đề xuất)	So sánh năm 2026 với năm 2025 (chênh lệch tăng (+); giảm (-))		Ghi chú
		Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện			Tương đối	Tuyệt đối	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng	19.218	17.158	20.825	16.174	24.746	29.840	-	5.094	
1	Chi hoạt động kinh tế	1.259	1.144	1.259	1.249	1.285	1.473	-	188	
	- Vườn ươm DN	1.259	1.144	1.259	1.249	1.285	1.473	-	188	
	+ Nguồn thu	137	213	137	277	229	375		146	
	+ Nguồn NSNN	1.122	931	1.122	972	1.056	1.098		42	
2	Chi sự nghiệp giáo dục	2.929	2.645	3.220	1.435	2.842	4.217	-	1.375	
	- Nguồn thu	1.640	1.318	1.755	559	1.615	2.852		1.237	
	+ Nguồn NSNN	1.289	1.326	1.465	876	1.227	1.365		138	
3	Chi khoa học công nghệ	10.242	8.454	11.252	9.894	11.188	12.206	-	1.018	
	- Trung tâm R&D	2.408	1.897	2.452	2.052	2.292	2.853	-	561	
	+ Nguồn thu	400	177	400	185	400	426		26	
	+ Nguồn NSNN	2.008	1.720	2.052	1.866	1.892	2.427		535	
	- Trung tâm Công nghệ sinh học	7.834	6.557	8.800	7.842	8.896	9.353	-	457	
	+ Nguồn thu	3.550	2.273	3.850	2.892	4.350	3.853	-	497	
	+ Nguồn NSNN	4.284	4.284	4.950	4.950	4.546	5.500		954	
4	Chi quản lý hành chính	1.859	2.271	1.874	2.161	6.590	7.728	-	1.139	
	- Văn phòng BQL KCNC	1.859	2.271	1.874	2.161	6.590	7.728		1.139	

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM



Biểu số 02

CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chi trợ giá theo chính sách	Chi hoạt động kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục	Chi khoa học công nghệ	Chi quản lý hành chính	Tổng cộng
A	B	1	2	3	4	5	6	7=(1+2+...+6)
	Tổng cộng	-	1.473	-	4.217	12.206	2.809	20.704
1	- VP Ban Quản lý KCNC						2.809	2.809
2	- Vườn ươm DN		1.473					1.473
3	- BQL Các dự án ĐTXD		-					-
4	- Trung tâm R&D					2.853		2.853
5	- Trung tâm Công nghệ sinh học					9.353		9.353
6	- Trung tâm Đào tạo				4.217			4.217

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM



HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

Biểu số 04

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Năm 2026 (theo phương án đề xuất)			So sánh năm 2026 với năm 2025 (chênh lệch tăng (+); giảm (-))		Ghi chú
			Số lượng	Định mức	Dự toán	Tương đối	Tuyệt đối	
A	B	1	2	3	4=2x3	5	6	7
	Tổng cộng	1.285	1	1.473	1.473	-	188	
	- Vườn ươm DN	1.285	1	1.473	1.473	-	188	
1	Nhiệm vụ chi hoạt động chuyên môn, quản lý, chi mua sắm, sửa chữa, BD tài sản thường xuyên và các khoản chi thường xuyên khác	1.285	1	1.473	1.473		188	

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM



Biểu số 06

CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Năm 2026 (theo phương án đề xuất)			So sánh năm 2026 với năm 2025 (chênh lệch tăng (+); giảm (-))		Ghi chú
			Số lượng	Định mức	Dự toán	Tương đối	Tuyệt đối	
A	B	1	2	3	4=2x3	5	6	7
	Tổng cộng	1.226,61	32,00	42,66	1.365,02	-	138,41	
	- Trung tâm Đào tạo	1.226,61	32,00	42,66	1.365,02		138,41	- Chi tiêu biên chế hưởng lương từ NSNN: 32 người; - Áp dụng định mức chi con người: 42.657.000 đ/người/năm theo định mức của giai đoạn tự chủ 2024 - 2026.
1	Nhiệm vụ chi thường xuyên tự chủ	1.226,61	32,00	42,66	1.365,02		138,41	

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM



Biểu số 11

CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Năm 2026 (theo phương án đề xuất)			So sánh năm 2026 với năm 2025 (chênh lệch tăng (+); giảm (-))		Ghi chú
			Số lượng	Định mức	Dự toán	Tương đối	Tuyệt đối	
A	B	1	2	3	4=2x3	5	6	7
	Tổng cộng	6.438	242	93,114	11.776,746	0	5.338,746	
1	Trung tâm Nghiên cứu triển khai CNC	1.892	57	42,573	2.426,661		534,661	- Chỉ tiêu biên chế hưởng lương từ NSNN: 57 người; - Áp dụng định mức chi con người: 42,573 triệu đồng/người/năm theo định mức của giai đoạn tự chủ 2022 - 2025.
2	Trung tâm Công nghệ sinh học TP	4.546	185	50,541	9.350,085		4.804,085	- Chỉ tiêu biên chế hưởng lương từ NSNN: 185 người. Định mức chi con người: 50.541.000 đ/người/năm theo định mức của giai đoạn tự chủ 2022-2025

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM



Biểu số 13

CHI SỰ NGHIỆP QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

Dvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Năm 2026 (theo phương án đề xuất)			So sánh năm 2026 với năm 2025 (chênh lệch tăng (+); giảm (-))		Ghi chú
			Số lượng	Định mức	Dự toán	Tương đối	Tuyệt đối	
A	B	1	2	3	4=2x3	5	6	7
	Tổng cộng	6589,5	69	112	7728	0	1138,5	- Chi tiêu biên chế hưởng lương từ NSNN: 69 người; - Áp dụng định mức chi theo biên chế được giao: + 79 triệu đồng năm/người/6 tháng đầu năm 2025. + 112 triệu đồng năm/người/năm 2026 và 6 tháng cuối năm 2025.
1	Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP.HCM	6.589,5	69	112	7.728		1.138,50	

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM